SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 10/06/2026; 16:15:04 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1901/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao, điều chuyển đối với các cơ sở nhà, đất do các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 191/2025/QĐ-CTUBND ngày 17/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 4583/STC-QLCS ngày 23/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện giao, điều chuyển đối với 37 cơ sở nhà, đất giữa các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý để quản lý, sử dụng vào các mục đích trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và sinh hoạt cộng đồng (chi tiết danh mục tài sản, hình thức xử lý và các thông tin có liên quan tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định này có hiệu lực các cơ quan, đơn vị có tài sản tổ chức thực hiện bàn giao tài sản cho đơn vị tiếp nhận tài sản theo quy định. Đối với các tài sản khác điều chuyển cùng với nhà,

đất, các đơn vị kiểm kê, thống kê cụ thể để đưa vào trong biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 02/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Giao các cơ quan, đơn vị sau khi thực hiện bàn giao, tiếp nhận:

- Thực hiện hạch toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định.

- Thực hiện quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất theo đúng mục đích được giao, điều chuyển và các nguyên tắc quy định tại Điều 6, Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Trường hợp phải cải tạo, sửa chữa để sử dụng thì phải có kế hoạch, phương án cải tạo sửa chữa cụ thể để đưa cơ sở nhà, đất vào sử dụng trong thời gian sớm nhất.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu được giao nhà, đất có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị có liên quan tiếp nhận để sử dụng theo yêu cầu nhiệm vụ; chủ động rà soát tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để đề xuất xử lý phần diện tích lớn hơn so với tiêu chuẩn, định mức (nếu có) theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ.

4. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các cơ quan, đơn vị các thủ tục có liên quan sau khi bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở nhà, đất và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP;
- Phòng Tài chính;
- Lưu: VT, Đ.D. Hưng.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đỗ Thành Trung

PHỤ LỤC CHI TIẾT CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT GIAO, ĐIỀU CHUYỂN GIỮA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích (m²)		Giá trị nguyên giá đất (đồng)	Giá trị nguyên giá công trình (đồng)	Giá trị còn lại công trình (đồng)	Quyết định xử lý	Đơn vị sử dụng
			Đất	Nhà					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	CỘNG	**37**							
I	**Sử dụng vào mục đích trụ sở làm việc**	**15**							
	Sở Giáo dục và Đào tạo								
1	10A Hồ Sen	Phường Lê Chân	778,0	748,0	5.058.550.398	3.372.366.932	-	Giao UBND phường Lê Chân quản lý (Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng phường Lê Chân sử dụng)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Lê Chân
	Sở Xây dựng								
2	78 Hùng Vương	Phường Hồng An	1.500,0	1.030,0	14.625.000.000	2.966.000.000	571.200.000	Điều chuyển cho Cảng vụ Đường thủy nội địa (Sở Xây dựng)	Cảng vụ đường thủy nội địa Hải Phòng (Sở Xây dựng)
	UBND đặc khu Cát Hải								
3	Trụ sở UBND xã Phù Long cũ (Thôn Ngoài, đặc khu Cát Hải, TP Hải Phòng)	UBND đặc khu Cát Hải	1.461,9	1.074,0	7.894.260.000	4.394.176.000	2.768.072.920	Điều chuyển cho Cảng vụ Đường thủy nội địa (Sở Xây dựng)	Cảng vụ đường thủy nội địa Hải Phòng (Sở Xây dựng)
4	Trụ sở UBND xã Văn Phong cũ (Thôn Phong Niên, đặc khu Cát Hải, TP Hải Phòng)	UBND đặc khu Cát Hải	1.872,9	1.664,5	7.304.310.000	8.460.022.000	3.259.765.662	Giao UBND đặc khu Cát Hải quản lý (Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải sử dụng)	Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải
5	Trụ sở Nhà thiếu Nhi cũ (Thôn 6 Cát Bà, đặc khu Cát Hải, TP Hải Phòng)	UBND đặc khu Cát Hải	2.132,0	1.658,0	31.980.000.000	2.398.257.000	2.302.327.000	Giao UBND đặc khu Cát Hải quản lý (Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải sử dụng)	Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải
6	Trụ sở UBND xã Gia Luận cũ (Thôn 1 Gia Luận, đặc khu Cát Hải, TP Hải Phòng)	UBND đặc khu Cát Hải	907,2	622,1	4.082.400.000	6.787.601.000	3.820.514.400	Giao UBND đặc khu Cát Hải quản lý (Ban Quản lý các Vịnh thuộc quần đảo Cát Bà sử dụng)	Ban Quản lý các Vịnh thuộc quần đảo Cát Bà
7	Trụ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo cũ (Thôn 14 Cát Bà, đặc khu Cát Hải, TP Hải Phòng)	UBND đặc khu Cát Hải	788,0	408,0	11.347.200.000	2.962.142.000	2.172.241.960	Giao UBND đặc khu Cát Hải quản lý (Ban Quản lý các Vịnh thuộc quần đảo Cát Bà sử dụng)	Ban Quản lý các Vịnh thuộc quần đảo Cát Bà
	UBND phường Gia Viên								
8	Trụ sở UBND phường Gia Viên cũ	Số 5/172 Lê Lợi, phường Gia Viên	147,9	887,4	3.771.450.000	9.599.100.000	5.757.540.180	Giao UBND phường Gia Viên quản lý (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Gia Viên sử dụng)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Gia Viên
	UBND Phường Thủy Nguyên								
9	Trụ sở UBND Phường Thủy Đường (Thủy Sơn cũ)	Phường Thủy Nguyên	4.238,0	1.798,6	70.845.000.000	17.842.284.000	12.554.107.000	Điều chuyển cho Văn phòng Thành ủy để làm kho lưu trữ	Văn phòng Thành ủy
	UBND xã Hà Bắc								
10	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hồng Lạc cũ	Xã Hà Bắc	1.081,0	500,0	3.243.000.000	121.541.000	-	Điều chuyển cho Trường Tiểu học Hồng Lạc	Trường Tiểu học Hồng Lạc (UBND xã Hà Bắc)

TT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích (m²)		Giá trị nguyên giá đất (đồng)	Giá trị nguyên giá công trình (đồng)	Giá trị còn lại công trình (đồng)	Quyết định xử lý	Đơn vị sử dụng
			Đất	Nhà					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	Trụ sở UBND thành phố giao cho các đơn vị								
11	Trụ sở Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Cẩm Giàng	Phường Tứ Minh	510,0	765,0	6.339.600.000	1.757.669.000	1.001.132.520	Giao Văn phòng Đăng ký đất đai Cẩm Giàng (Sở Nông nghiệp và Môi trường) quản lý, sử dụng	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng Đăng ký đất đai Cẩm Giàng)
12	Trụ sở Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Thanh Hà cũ	Xã Thanh Hà	1.920,0	297,0	4.500.000.000	1.039.390.000	452.979.000	Giao UBND xã Thanh Hà quản lý (Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công xã Thanh Hà sử dụng)	Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công (UBND xã Thanh Hà)
13	Trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bình Giang cũ, đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn Kẻ Sặt	Xã Kẻ Sặt	1.200,0	665,0	16.800.000.000	Không xác định	Không xác định	Giao Văn phòng Đăng ký đất đai Bình Giang (Sở Nông nghiệp và Môi trường) quản lý, sử dụng	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng Đăng ký đất đai Bình Giang)
14	Trụ sở BHXH huyện Tứ Kỳ cũ	Xã Tứ Kỳ	976,5	262,0	22.772.100.000	472.261.000	-	Giao Văn phòng Đăng ký đất đai Tứ Kỳ (Sở Nông nghiệp và Môi trường) quản lý, sử dụng	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng Đăng ký đất đai Tứ Kỳ)
15	Cơ sở nhà, đất 223 Nguyễn Lương Bằng	Phường Lê Thanh Nghị	934,2	830,0	25.092.460.000	802.377.000	115.297.480	Giao từ Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố sang Trung tâm Cấp cứu 115 Hải Phòng làm trụ sở làm việc (cơ sở 2 phía Tây) - Sở Y tế	Trung tâm Cấp cứu 115 Hải Phòng (Sở Y tế)
II	**Sử dụng vào mục đích giáo dục**	**10**							
	Hội người mù								
16	Trụ sở Hội Người mù	Số 11 Nguyễn Văn Tố, Phường Hải Dương	563,4	3.115,0	6.197.400.000	10.080.012.290	6.585.320.480	Điều chuyển cho Trường Trung học cơ sở Ngô Gia Tự	Trường Trung học cơ sở Ngô Gia Tự (UBND phường Hải Dương)
	Sở Tư pháp, Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản								
17	Trụ sở Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản - Sở Tư pháp	Số 7/109 Phạm Ngũ Lão, phường Lê Thanh Nghị	470,8	700,0	21.186.000.000	2.402.042.896	1.367.733.828	Điều chuyển cho trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong	Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong (UBND phường Lê Thanh Nghị)
	Trường Đại học Hải Phòng								
18	Cơ sở nhà, đất số 06 Khúc Trì - Trường Đại học Hải Phòng	Cơ sở nhà, đất số 06 Khúc Trì	1.432,0	2.027,0	17.184.000.000	3.189.600.000	637.919.200	Điều chuyển cho Trường Trung học cơ sở Lương Khánh Thiện	Trường Trung học cơ sở Lương Khánh Thiện (UBND phường Phù Liễn)
	UBND Phường An Dương								
19	Trụ sở UBND Phường Nam Sơn (Cách Hạ, phường Nam Sơn, quận An Dương).	Phường An Dương	4.006,0	1.549,0	14.421.600.000	11.535.146.000	8.095.496.600	Điều chuyển cho Trường Mầm non Nam Sơn	Trường Mầm non Nam Sơn (UBND phường An Dương)
20	Trụ sở UBND Phường An Hải (TDP Chiến Thắng, phường An Hải, quận An Dương)	Phường An Dương	2.917,7	1.248,0	12.050.101.000	14.448.997.208	2.282.723.456	Điều chuyển cho Trường Mầm non Đặng Cương	Trường Mầm non Đặng Cương (UBND phường An Dương)
21	Trạm y tế xã Bắc Sơn cũ	Phường An Dương	2.118,4	700,0	7.456.768.000	Không xác định	Không xác định	Mở rộng Trường mầm non Bắc Sơn	Trường Mầm non Bắc Sơn
	UBND phường Hồng Bàng								

TT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích (m²)		Giá trị nguyên giá đất (đồng)	Giá trị nguyên giá công trình (đồng)	Giá trị còn lại công trình (đồng)	Quyết định xử lý	Đơn vị sử dụng
			Đất	Nhà					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
22	Trụ sở UBND phường Thượng Lý cũ	Số 65 Nguyễn Hồng Quân, phường Hồng Bàng	542,0	1.160,0	13.550.000.000	11.044.360.000	7.731.082.000	Điều chuyển cho Trường Mầm non Thượng Lý	Trường Mầm non Thượng Lý (UBND phường Hồng Bàng)
23	Trụ sở UBND phường Phan Bội Châu cũ	Số 117 Quang Trung, phường Hồng Bàng	122,0	1.182,0	19.520.000.000	12.427.548.000	7.870.853.000	Điều chuyển cho Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ (UBND phường Hồng Bàng)
	UBND xã Hà Tây								
24	Nhà văn hoá xóm 2	Thôn Đông Phan, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng	595,0	145,0	2.916.000.000	1.040.564.667	208.717.592	Điều chuyển cho Trường Mầm non Tân An	Trường Mầm non Tân An (UBND xã Hà Tây)
	UBND xã Ninh Giang								
25	Trụ sở UBND xã Hiệp Lực (cũ)	Thôn Trung, xã Ninh Giang	951,0	250,0	7.615.000.000	33.000.000	-	Điều chuyển cho Trường Tiểu học Hiệp Lực	Trường Tiểu học Hiệp Lực (UBND xã Ninh Giang)
III	**Sử dụng vào mục đích Y tế**	**7**							
	Sở Y tế								
26	Trung tâm Y tế quận Dương Kinh (trụ sở cũ)/Địa chỉ: Đường Mạc Đăng Doanh, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh	Phường Hưng Đạo	2.772,0	2.326,7	49.339.500.000	15.239.110.000	8.587.278.974	Giao UBND phường Hưng Đạo quản lý (Trạm Y tế phường Hưng Đạo sử dụng)	Trạm Y tế phường Hưng Đạo (UBND phường Hưng Đạo)
27	Trụ sở Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố (Số 150 Quang Trung, phường Hải Dương, TP Hải Phòng)	Phường Hải Dương	686,1	582,0	8.233.200.000	3.868.045.818	1.063.412.236	Bố trí làm các khoa, khám điều trị chuyên khoa da liễu, các dịch vụ khám theo yêu cầu về thẩm mỹ da Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương	Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương (Sở Y tế)
28	Trụ sở Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ xã hội Hải Dương (Số 93 Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng)	Phường Lê Thanh Nghị	6.177,0	6.176,5	103.025.220.000	23.747.235.000	8.255.457.000	Giao UBND phường Hải Dương quản lý (Trạm Y tế phường Hải Dương sử dụng)	Trung tâm Y tế Hải Dương (Sở Y tế)
	Phường Hải Dương								
29	UBND phường Ngọc Châu (cũ) 18 Trần Thánh Tông	Phường Hải Dương	1.617,1	1.465,0	17.788.100.000	8.697.209.000	5.206.082.820	Điều chuyển làm Trạm Y tế phường Hải Dương	Trạm Y tế phường Hải Dương
	UBND đặc khu Cát Hải								
30	Trụ sở UBND xã Xuân Đám cũ (Thôn 3 Xuân Đám, đặc khu Cát Hải, TP Hải Phòng)	UBND đặc khu Cát Hải	2.042,3	1.149,0	30.634.500.000	10.967.316.000	3.852.732.348	Giao UBND Đặc khu Cát Hải quản lý (Trạm y tế đặc khu Cát Hải sử dụng)	Trạm Y tế đặc khu Cát Hải
	UBND Phường Chu Văn An								
31	Trụ sở UBND phường Sao Đỏ cũ	Phường Chu Văn An	2.650,0	1.107,0	10.600.000.000	11.126.000.000	4.937.962.528	Giao UBND phường Chu Văn An quản lý (Trạm Y tế phường Chu Văn An sử dụng)	Trạm Y tế phường Chu Văn An
	UBND Xã Thanh Miện								
32	Trụ sở UBND Xã Tứ Cường	Xã Thanh Miện	4.225,0	1.451,0	83.655.000.000	7.964.374.931	2.285.507.227	Giao UBND xã Thanh Miện quản lý (Trạm Y tế xã Thanh Miện sử dụng)	Trạm Y tế xã Thanh Miện
IV	**Sử dụng vào mục đích Văn hóa**	**5**							
	UBND Phường Lưu Kiếm								

TT	Cơ sở nhà, đất	Địa chỉ	Diện tích (m²)		Giá trị nguyên giá đất (đồng)	Giá trị nguyên giá công trình (đồng)	Giá trị còn lại công trình (đồng)	Quyết định xử lý	Đơn vị sử dụng
			Đất	Nhà					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
33	Trường MN Lưu Kiếm (thôn Mỹ Liệt)	Phường Lưu Kiếm	1.286,0	453,0	2.315.000.000	4.124.000.000	273.000.000	Điều chuyển làm Nhà văn hóa thôn	UBND phường Lưu Kiếm
	UBND xã Hà Bắc								
34	Trụ sở làm việc Trạm y tế xã Hồng Lạc cũ	Thôn Bắc, xã Hà Bắc	1.149,0	285,0	20.107.500.000	545.000.000	-	Giao UBND xã Hà Bắc quản lý (Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng)	Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công (UBND xã Hà Bắc)
	UBND xã Hà Nam								
35	Điểm lẻ trường mầm non Thanh Xuân	Thôn Thiện Trang xã Hà Nam	1.449,0	1.078,0	1.014.300.000	5.235.498.000	2.336.982.978	Điều chuyển để làm Nhà văn hóa	UBND xã Hà Nam
	UBND xã Hà Tây								
36	Cơ sở 3: Trường MN An Phượng	Thôn Phượng Đầu, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng	887,0	318,0	443.500.000	483.365.500	23.582.820	Điều chuyển để làm Nhà văn hóa	UBND xã Hà Tây
37	Cơ sở 4: Trường MN An Phượng	Thôn Văn Xuyên, xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng	841,0	245,0	420.500.000	401.566.500	22.062.860	Điều chuyển để làm Nhà văn hóa	UBND xã Hà Tây